

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TH-THCS & THPT
CHU VĂN AN
Số: 16/QĐ-CVA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CỦA HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH-THCS & THPT CHU VĂN AN
V/v ban hành Quy chế công khai trong nhà trường

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét đề nghị của Tổ Văn phòng trường TH-THCS & THPT Chu Văn An.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công khai trong nhà trường của Trường TH-THCS & THPT Chu Văn An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quyết định này được bãi bỏ.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng, các tổ trưởng Chuyên môn, toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường TH-THCS & THPT Chu Văn An có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để b/c)
- Như điều 3 (để th/hiện)
- Lưu VP.



Nguyễn Thị Minh

QUY CHẾ

Thực hiện công khai trong nhà trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CVA ngày 14 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường TH-THCS&THPT Chu Văn An)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường TH-THCS&THPT Chu Văn An.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của Nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế này.

2. Thông tin được công khai tại Nhà trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định trong Quy chế này phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG

Điều 4. Nội dung công khai

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) *Cam kết chất lượng giáo dục:*

Điều kiện và đối tượng tuyển sinh; chương trình giáo dục nhà trường đang thực hiện; yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh; các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường; kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Biểu mẫu 09).

b) *Chất lượng giáo dục thực tế:*

số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng kết kết quả cuối năm, đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, dự xét tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp, thi đỗ vào THPT, học sinh nam/học sinh nữ (theo Biểu mẫu 10).



2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường:

a) Cơ sở vật chất:

số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có và còn thiếu so với quy định (Biểu mẫu 11).

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 12).

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học

Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học

Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ nhân viên, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm

Về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có)

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Đối với công tác tuyển sinh

Nhà trường thông báo kế hoạch, chỉ tiêu, điều kiện, hồ sơ tuyển sinh lớp 10 thông báo bằng văn bản đến các trường THCS trên địa bàn tuyển sinh của trường và niêm yết tại bảng tin Nhà trường trước ngày thực hiện quy trình tuyển sinh 05 ngày. Đăng tải trên Website nhà trường.

b) Đối với cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

Công khai tại Bảng tin của Nhà trường, trên trang thông tin điện tử của Nhà trường vào đầu và cuối mỗi năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

Thông báo trong các cuộc họp Cha mẹ học sinh, họp Hội đồng sư phạm Nhà trường.

Bất cứ lúc nào khi cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

c) *Đối với điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục*

Thông báo trong cuộc họp Hội Đồng sư phạm, Họp Hội Cha mẹ học sinh, Niêm yết tại Bảng tin Nhà trường đầu năm học và trên trang thông tin điện tử của Nhà trường (tháng 9).

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm Hiệu trưởng nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của Ban Thanh tra nhân dân, Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý cấp trên.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Ban Thanh tra nhân dân và các cơ quan quản lý cấp trên bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại Bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh xem xét.

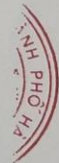
c) Đưa lên trang thông tin điện tử của nhà trường.

Trên đây là Quy chế công khai của trường TH-THCS&THPT Chu Văn An./.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh



SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TH, THCS & THPT Chu Văn An

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông,
năm học 2023-2024.

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo đúng theo quy định của Sở GD&ĐT		
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt luật pháp và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GD NGLL; GDHN; các hội thi, cuộc thi; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo vui tươi lành mạnh gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Về học lực: Giỏi ít nhất 10%; Khá ít nhất 25%; Yếu, kém không quá 5%. - Về hạnh kiểm: Tỷ lệ HS xếp loại Khá, tốt trên 90%. HS xếp loại Yếu dưới 2%. - 100% học sinh đạt yêu cầu về rèn luyện thân thể.		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Tỷ lệ học sinh lên lớp trên 85%	Tỷ lệ học sinh lên lớp trên 85%	- 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG - Tỷ lệ tốt nghiệp THPT trên mặt bằng chung của Thành phố

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
 Trường THPT Yên Thế (Chuyên Văn)

THÔNG BÁO	- Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.
------------------	--

Đông Anh, ngày 20 tháng 08 năm 2023.


 PHẠM VĂN AN
 TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC,
 TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ
 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
 CHU VĂN AN
 QUẬN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI
 NGUYỄN THỊ MINH

STT	Nội dung	2022	2023	2024	2025
1	Số học sinh chia theo hình thức				
1	Yêu	178	178	178	178
2	Kém	0	0	0	0
3	Trong bình	67	67	67	67
4	Yêu	90	90	90	90
5	Số học sinh chia theo học lực	347	347	347	347
1	Yêu	8,34	8,34	8,34	8,34
2	Kém	40,67	40,67	40,67	40,67
3	Trong bình	38,2	38,2	38,2	38,2
4	Yêu	9,86	9,86	9,86	9,86
5	Kém	0	0	0	0
6	Tổng hợp kết quả cuối năm	588	588	588	588
1	Yêu	41,04	41,04	41,04	41,04
2	Trong bình	6,34	6,34	6,34	6,34
3	Yêu	40,67	40,67	40,67	40,67
4	Kém	9,86	9,86	9,86	9,86
5	Yêu	0	0	0	0
6	Yêu	0,02	0,02	0,02	0,02
7	Yêu	0	0	0	0
8	Số học sinh đạt học lực giỏi và khá	4083	4083	4083	4083
9	Yêu	0	0	0	0
10	Yêu	0	0	0	0

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023.

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	568	237	179	152
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	82.39	79.75	86.03	82.24
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16.9	20.25	11.73	17.76
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.7	00	2.23	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00
II	Số học sinh chia theo học lực	568	237	179	152
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6.34	6.33	2.23	11.18
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40.67	28.27	35.75	65.79
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	38.2	49.79	35.75	40.71
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9.86	15.61	10.61	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	568	237	179	152
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	91.04	84.39	89.39	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	6.34	6.33	2.23	11.18
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	40.67	28.27	35.75	65.79
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	9.86	15.61	10.61	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	0.02	0.02	0.05	0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học, chuyển đi học nghề (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.003	0.03	0.05	0.08
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	0	0	0	0
1	Cấp tỉnh/thành phố				
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		0		149
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				149
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				50
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				40
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	348/220	110/92	107/72	96/56
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0			0

Đông Anh, ngày 20 tháng 08 năm 2023.



NGUYỄN THỊ MINH

Sở GD&ĐT Hà Nội
Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	0	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học		
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		4373,2
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		600,5
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1100	1,05
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	1	
1.1	Khối lớp 10	1	
1.2	Khối lớp 11	1	
1.3	Khối lớp 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 10	0	
2.2	Khối lớp 11	0	
2.3	Khối lớp 12	0	

3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	28	Số học sinh/bộ 12.39
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	07	1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	1
5	Thiết bị khác...		
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	07	1
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	11
5	Thiết bị khác...		
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		4		0,08
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đông Anh, ngày 20 tháng 08 năm 2023



Chu Văn An
 Nguyễn Thị Minh

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TH, THCS & THPT CHU VĂN AN

CÔNG KHAI THU-CHI TÀI CHÍNH
Năm học 2022-2023

1. Công khai thu mức thu học phí:

Năm học	Lớp	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2022 - 2023	Chọn	780.000	840.000	910.000
	Thường	630.000	690.000	760.000
2023 - 2024	Chọn	630.000	840.000	910.000
	Thường		690.000	760.000
2024 - 2025	Chọn	630.000	840.000	910.000
	Thường		690.000	760.000
2025 - 2026	Chọn	630.000	840.000	910.000
	Thường		690.000	760.000
2026 - 2027	Chọn	630.000	840.000	910.000
	Thường		690.000	760.000

2. Công tác chi tài chính:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Mức thu nhập hàng tháng của CB-GV-NV(mức cao nhất, bình quân và thấp nhất)			
1.1	Mức cao nhất	Đồng/người/tháng	13.808.678	
1.2	Mức bình quân	Đồng/người/tháng	7.500.000	
1.3	Mức thấp nhất	Đồng/người/tháng	1.950.000	
2	Chi đóng BHXH, BHYT, BHTN	Đồng/tháng	18.148.104	
3	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	Đồng	136.452.000	

Ngày 20 tháng 8 năm 2023



Nguyễn Thị Minh